**Trường: THCS Nam Hoa Họ tên giáo viên: Ngô Thu Thuỷ**

**Tổ: KHTN Ngày soạn: 20/9/2022**

**Tiết: 33;34: Kiểm tra giữa kì I**

**Môn: Khoa học tự nhiên 6**

**Bộ sách: Cánh Diều Thời gian: 60 phút**

**I. MỤC TIÊU**

1. Về năng lực

- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.

- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.

- Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.

- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.

- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian.

- Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.

- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.

- Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân, đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).

- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.

- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.

- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.

- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).

- Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:

+ Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);

+ Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;

+ Một số lương thực - thực phẩm.

- Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng.

2. Về phẩm chất

**- Chăm chỉ:** Tích cực suy nghĩ nghiên cứu làm bài kiểm tra.

**- Trách nhiệm:** Có trách nhiệm với môi trường sống, có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên.

**- Trung thực:** Trung thực nghiêm túc trong quá trình làm bài kiểm tra.

**II. YÊU CẦU**

1.Giáo viên: Kế hoạch dạy học( Đề kiểm tra)

2. Học sinh:Chuẩn bị nội dung kiến thức đã gới hạn.

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút/45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

1. **Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 1 khi kết thúc chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực- thực phẩm

**- Thời gian làm bài:** 60 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

+ Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

**KHUNG MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Mức độ** | | | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |  |
| Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành( 7 tiết) |  | 3 | 1(1,0đ) | 1 |  | |  |  | |  | 1(1,0đ) | 4 | 2,0 |
| Chủ đề 2: Các phép đo( 10 tiết) |  | 3 |  | 1 | 1(2,0đ) | |  |  | |  | 1(2,0đ) | 4 | 3,0 |
| Chủ đề 3: Các thể của chất  ( 5 tiết) |  | 1 | 1(1,0đ) | 2 |  | |  |  | |  | 1(1,0đ) | 3 | 1,75 |
| Chủ đề 4: Oxygen và không khí  ( 3 tiết) | 1(0,5đ) | 2 |  |  |  | |  |  | |  | 1(0,5đ) | 2 | 1,0 |
| Chủ đề 5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực-thực phẩm( 7 tiết) | 1(0,5đ) | 3 |  |  |  | |  | 1(1,0đ) | |  | 2(1,5đ) | 3 | 2,25 |
| **Số câu** | 2 | 12 | 2 | 4 | 1 | | 0 | 1 | | 0 | 6 | 16 |  |
| **Điểm số** | 1,0 | 3,0 | 2,0 | 1,0 | 2,0 | | 0 | 1,0 | | 0 | 6,0 | 4,0 |  |
| **Tổng số điểm** | 4,0 điểm | | 3,0 điểm | | | 2,0 điểm | | | 1,0 điểm | | 10 điểm | | 10 điểm |

1. **Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung và**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý tự luận/ số câu hỏi TN** | | **Địa chỉ câu hỏi** | |
| **TL**  **(Số ý)** | **TN**  **(Số câu)** | **TL(Câu)** | **TN(Câu)** |
| *1.Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành (7 tiết)* | | | | | | |
| - Giới thiệu về khoa học tự nhiên  - Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành | Nhận biết | - Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | 1 |  | C1 |
| - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C3 |
| - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). |  |  |  |  |
| Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | 1 |  | C4 |
| Thông hiểu | - Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | 1 |  | C2 |
| - Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | 3 |  | C17 |  |
|  | - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| *2. Chủ đề 2: Các phép đo (10 tiết)* | | | | | | |
| - Đo chiều dài, khối lượng và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | Nhận biết | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian. |  | 2 |  | C5, C7 |
| - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  | 1 |  | C8 |
| - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| Thông hiểu | - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C6 |
| Vận dụng | - Dùng thước, cân, đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân, đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). | 2 |  | C18 |  |
| *3. Chủ đề 3: Các thể của chất ( 5 tiết)* | | | | | | |
| - Sự đa dạng của các chất  - Ba thể ( trạng thái) cơ bản của chất  - Sự chuyển đổi thể ( trạng thái) của chất | Nhận biết | - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. | 1 |  | C22 |  |
| - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  | 1 |  | C10 |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. |  |  |  |  |
| Thông hiểu | - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  | 2 |  | C9, C11 |
| Vận dụng | - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |
| *4. Chủ đề 4: Oxygen và không khí ( 3 tiết)* | | | | | | |
|  | Nhận biết | - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  | 1 |  | C12 |
| - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  | 1 |  | C13 |
| - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | 1 |  | C20 |  |
| Vận dụng | - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| *5. Chủ đề 5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực-thực phẩm ( 7 tiết)* | | | | | | |
|  | Nhận biết | - Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:  + Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);  + Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;  + Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...);  + Một số lương thực - thực phẩm. |  | 2 |  | C15, C16 |
| - Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | 2 | 1 | C19 | C14 |
| Thông hiểu | -Thu thập dữ liệu, phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm. |  |  |  |  |
| Vận dụng | - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng. | 1 |  | C21 |  |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

1. **TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau:**

**Câu 1 (NB:**Hoạt động **không phải** nghiên cứu khoa học tự nhiên?

A. Khám phá các thành phần trong lớp vỏ trái đất

B. Nghiên cứu sự sống trên các hành tinh khác

C. Trồng cây gây rừng

D. Nghiên cứu sự biến đổi chất trong tự nhiên

**Câu 2 (TH):** Theo em, việc ngiên cứu sản xuất vacxin phòng Covid 19 thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

A. Bảo vệ sức khoẻ và cuộc sống của con người.

B. Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.

C. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế

D. Bảo vệ môi trường.

**Câu 3 (NB):** Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

A. Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu, B. Hô hấp nhân tạo.

C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép ngay vào vị trí đó .D. Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

**Câu 4 (NB):** Cách sử dụng kính lúp cầm tay là

A. Điều chỉnh ánh sáng bằng gương phản chiếu ánh sáng rồi quan sát.

B. Đặt mặt kính lúp lên vật rồi quan sát.

C. Để mặt kính gần mẫu vật quan sát, mắt nhìn vào mặt kính và điều chỉnh khoảng cách sao cho nhìn rõ vật.

D.Đặt và cố định tiêu bản rồi quan sát. Sử dụng hệ thống ốc điều chỉnh để quan sát rõ vật mẫu.

**Câu 5 (NB):** Để đo khối lượng của một vật ta dùng dụng cụ nào.

A. Thước đo. B. Kính hiển vi. C. Cân. D. Kính lúp.

**Câu 6 (TH):** Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để

A. lựa chọn thước đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.

C. đọc kết quả đo chính xác. D. đặt vật đo đúng cách.

**Câu 7 (NB):** Giới hạn đo của thước là

**A.** độ dài nhỏ nhất ghi trên thước.

**B.** độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

**C.** độ dài lớn nhất ghi trên thước.

**D.** độ dài giữa hai vạch chia bất kỳ ghi trên thước.

**Câu 8 (NB):** Trong thang nhiệt độ Celsius, nhiệt độ của hơi nước đang sôi là:

A. 1000C. B. 00C. C. 500C. D. 780C.

**Câu 9 (TH):** Nhiệt kế thủy ngân không thế đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau?

A. Nhiệt độ của nước đá.

B. Nhiệt độ cơ thể người.

C. Nhiệt độ khí quyển.

D. Nhiệt độ của một lò luyện kim.

**Câu 10 (NB):** Sự nóng chảy là sự chuyển thể từ

1. thể lỏng sang thể rắn của chất. B. thể rắn sang thể lỏng của chất.

C. từ thể lỏng sang thể khí của chất. D. từ thể khí sang thể lỏng của chất.

**Câu 11 (TH):** Dãy gồm các chất ở thể rắn ở nhiệt độ phòng là:

A. Bút chì, nước, thước kẻ

B. Cục tẩy, quyển sách, thước kẻ

C. Sữa, nước, cục tẩy

D. Sữa, thước kẻ, cục tẩy

**Câu 12 (NB):**Tính chất nào sau đây **không đúng** khi nói về oxygen:

A. Oxygen là chất khí.

B. Không màu, không mùi, không vị

C. Nặng hơn không khí.

D. Tan nhiều trong nước.

**Câu 13 (NB):** Thành phần của không khí gồm:

1. 21% oxygen, 78% nitrogen, 1% hơi nước và các khí khác.
2. 21% oxygen, 1% nitrogen, 78% hơi nước và các khí khác.
3. 78% oxygen, 1% nitrogen, 21% hơi nước và các khí khác.
4. 78% oxygen, 21% nitrogen, 1% hơi nước và các khí khác

**Câu 14 (NB):**Phương pháp nào  sau đây được dùng để dập tắt đám cháy nhỏ do xăng dầu?

A. Quạt.

B. Dùng nước.

C. Cát.

D. Dùng cồn

**Câu 15 (NB):** Vật liệu nào sau đây có tính dẫn điện tốt?

A. Cao su.

B.  Kim loại.

C. Gốm.

D. Thủy tinh.

**Câu 16 (NB):**Trong các  thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều chất đạm nhất?

A. Rau xanh.

B. Hoa quả.

C. Thịt.

D. Hoa quả và rau xanh.

**II. TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 17 (1 điểm):** Thế nào là vật sống? Nêu các đặc điểm nhận biết vật sống? Lấy 5 ví dụ về vật sống?

**Câu 18 (2,0 điểm)*:***

a, Cho các dụng cụ sau: đồng hồ bấm giây, thước dây, kính lúp,kéo, búa, nhiệt kế y tế, thước kẻ, cốc đong, cân khối lượng, ống hút nhỏ giọt.

Bạn Hoa thực hiện một số phép đo sau, em hãy giúp bạn bằng cách lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo sao cho thực hiện dễ dàng và cho kết quả chính xác nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Phép đo** | **Tên dụng cụ đo** |
| 1 | Đo thân nhiệt(nhiệt cơ thể) |  |
| 2 | Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày |  |
| 3 | Đo khối lượng cơ thể |  |
| 4 | Đo diện tích lớp học |  |
| 5 | Đo thời gian đun sôi một lít nước |  |
| 6 | Đo chiều dài của quyển sách |  |

b, Em hãy đo chiều dài và độ dày quyển sách khoa học tự nhiên lớp 6 Cánh diều.

**Câu 19 (0,5 điểm):**  
 Gas dùng để đun nấu trong gia đình là một hỗn hợp gồm các chất dễ cháy. Việc gas bị rò rỉ  
có thể gây cháy, nổ khi có tia lửa điện (ví dụ như khi bật công tắc điện,...), hoặc khi đánh lửa từ  
việc bật bếp gas.  
 a) Gas thuộc nhóm nhiên liệu hay vật liệu?  
 b) Dưới áp suất khí quyển và nhiệt độ bình thường gas tồn tại ở thể gì?

**Câu 20 (0,5 điểm):**  Em có thể làm gì để góp phần làm giảm ô nhiễm khôngkhí nơi em ở?

**Câu 21 (1,0 điểm):** Các vật dụng có thể được tạo nên từ nhiều vật liệu khác nhau. Hãy chọn vật liệu phù hợp và nêu những lưu ý khi sử dụng theo gợi ý trong bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vật dụng** | **Vật liệu phù hợp** | **Lưu ý khi sử dụng** |
| Dây dẫn điện | Đồng | Thường xuyên kiểm tra vỏ cách điện của dây dẫn |
| Lốp xe đạp | ? | ? |
| Cốc | ? | ? |
| Bàn ghế | ? | ? |
| Bình hoa | ? | ? |

**Câu 22 (1 điểm):**  Một bạn học sinh đang nghiên cứu tính chất của một mẫu chất. Mẫu chất đó có thể tích xác định nhưng không có hình dạng xác định. Theo em, mẫu chất đó đang ở thể nào?

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

1. **TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

Mỗi lựa chọn đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | C | A | D | C | C | A | B | A | D | B | B | D | A | C | B | C |

1. **TỰ LUẬN (6 điểm)**

**Câu 17 (1 điểm):** Thế nào là vật sống? Nêu các đặc điểm nhận biết vật sống? Lấy 5 ví dụ về vật sống?

- Vật sống gồm các dạng sống đơn giản(ví dụ virus) và sinh vật. 0,25đ

- Đặc điểm nhận biết vật sống: thu nhận chất cần thiết, thải bỏ chất thải, vận động, lớn lên,sinh sản, cảm ứng. 0,25đ

- Ví dụ vật sống: con cá, con bò, virus corona, cây chuối, chim bồ câu. 0,5đ

**Câu 18 ( 2,0 điểm)**

a, Lựa chọn dụng cụ đo phù hợp cho mỗi phép đo: mỗi ý đúng 0,25đ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Phép đo** | **Tên dụng cụ đo** |
| 1 | Đo thân nhiệt(nhiệt cơ thể) | Nhiệt kế y tế |
| 2 | Đo lượng nước cần pha sữa cho em hàng ngày | Cốc đong |
| 3 | Đo khối lượng cơ thể | Cân khối lượng |
| 4 | Đo diện tích lớp học | Thước dây |
| 5 | Đo thời gian đun sôi một lít nước | Đồng hồ bấm giây |
| 6 | Đo chiều dài của quyển sách | Thước kẻ |

b, Chiều dài: 26cm 0,25đ

Độ dày: 0,8cm 0,25đ

**Câu 19 (0,5 điểm):**

a) Nhiên liệu 0,25đ  
b) Dưới áp suất khí quyển và nhiệt độ bình thường gas tồn tại ở thể khí. 0,25đ

**Câu 20 (0,5 điểm):** Biện pháp **giảm ô nhiễm không khí:**

Tuyên truyền nâng cao ý thức con người.

Tiết kiệm điện và năng lượng.

Sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.

Trồng nhiều cây xanh.

**Câu 21 (1,0 điểm): Mỗi ý đúng 0,25đ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vật dụng** | **Vật liệu phù hợp** | **Lưu ý khi sử dụng** |
| Dây dẫn điện | Đồng | Thường xuyên kiểm tra vỏ cách điện của dây dẫn |
| Lốp xe đạp | Cao su | Tránh để nơi có nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, tránh tiếp xúc với các hóa chất trong thời gian dài hoặc các vật sắc nhọn. |
| Cốc | Thủy tinh | Nên dùng vài mềm để lau chùi thủy tinh, tránh để các vật sắc, nhọn đè lên. |
| Bàn ghế | Gỗ | Tránh bị ẩm, thường xuyên kiểm tra tránh mối, mọt phá hoại. |
| Bình hoa | Gốm | Tránh xa tầm tay của trẻ em. |

**Câu 22 (1,0 điểm):** Mẫu chất đó đang ở thể khí